

Số: 966/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 4 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB bổ sung dự án xây dựng kho vũ khí Công binh K84C thuộc Bộ Tư lệnh Công binh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 25/11/2010 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng kho vũ khí Công binh K84C thuộc Bộ Tư lệnh Công binh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 154/TTr-STNMT ngày 09/4/2011, theo Tờ trình số 36/TTr-HĐ ngày 05/4/2011 của Hội đồng Đền bù giải tỏa huyện Đồng Phú,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng bổ sung dự án xây dựng kho vũ khí Công binh K84C thuộc Bộ Tư lệnh Công binh, cụ thể như sau:

1. Danh sách các hộ theo phương án:

- Gồm có 18 hộ gia đình, cá nhân;
- Có 18 biên bản;
- Có 18 hộ gia đình, cá nhân được bồi thường, hỗ trợ.

2. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung: **405.097.920 đồng** (Bốn trăm lẻ năm triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, chín trăm hai mươi đồng);

Trong đó:

- |                                    |                   |
|------------------------------------|-------------------|
| - Bồi thường, hỗ trợ về đất:       | 246.459.920 đồng; |
| - Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng: | 39.838.000 đồng;  |
| - Hỗ trợ:                          | 118.800.000 đồng. |

(Có bảng tổng hợp kèm theo)

**Điều 2.** Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước tỉnh; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Công binh; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch Hội đồng Đền bù giải tỏa huyện Đồng Phú và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT;
- Như Điều 2;
- LĐVP, phòng: KT, SX;
- Lưu: VT, 29.45

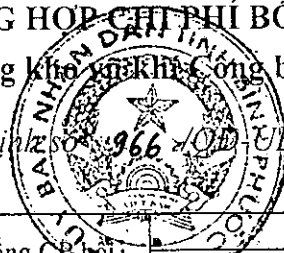


**Nguyễn Văn Lợi**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (BỔ SUNG)**

Dự án: Xây dựng kho và Nhà Công binh K84C thuộc Bộ Tư lệnh Công binh

(Kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15 / 4 / 2011 của UBND tỉnh)



STT	HỌ VÀ TÊN (số BBAG đợt 1)	Tổng CB bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường, hỗ trợ về đất		Cây trồng	Hỗ trợ ổn định đời sống	
			Bổ sung do đợt 1 tính thiếu	Cách đường chính 100m			Tổng
(a)	(b)	(1)=(4+5+6)	(2)	(3)	(4)=(2+3)	(5)	(6)
1	PHAN VĂN CÓN (3)	4.230.000				4.230.000	
2	NGUYỄN VĂN MÙI (9)	29.562.560		11.562.560	11.562.560		18.000.000
3	NGUYỄN VĂN THỊN (12)	5.375.360		5.375.360	5.375.360		
4	PHẠM THỊ THU VÂN (17)	1.480.000				1.480.000	
5	THÔNG XƯƠNG HÌN (20)	3.345.000				3.345.000	
6	PHẠM VĂN LÂM (22)	18.624.960		18.624.960	18.624.960		
7	LÊ TRƯỜNG HẠN (24)	10.800.000					10.800.000
8	NGUYỄN CAO ĐĂNG (25)	14.400.000					14.400.000
9	ĐIỀU MIÊU (28)	30.720.000				1.920.000	28.800.000
10	ĐIỀU QUẾ (29)	14.480.000				80.000	14.400.000
11	TRINH THỊ DUNG (30)	10.800.000					10.800.000
12	TRẦN VĂN NHÂM (32)	14.720.000				320.000	14.400.000
13	TRẦN THỊ NHẬN (48)	811.520		811.520	811.520		
14	BÙI TÂN XUYỀN (64)	7.200.000					7.200.000
15	DUƠNG THỊ TRÚC LINH (66)	220.855.520	209.196.560	888.960	210.085.520	10.770.000	
16	DUƠNG THỊ THANH THUY (67)	333.000				333.000	
17	DUƠNG VĂN TRUYỀN (69)	1.060.000				1.060.000	
18	TRẦN THỊ BÂY (71)	16.300.000				16.300.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>405.097.920</b>	<b>209.196.560</b>	<b>37.263.360</b>	<b>246.459.920</b>	<b>39.838.000</b>	<b>118.800.000</b>

(Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, chín trăm hai mươi đồng)